

HỒ CHÍ MINH BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN - GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ Ý NGHĨA THỜI ĐẠI

PGS, TS PHAN VĂN RÂN

TS NGÔ CHÍ NGUYỄN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Hồ Chí Minh là một nhà hoạt động cách mạng vĩ đại mà sự nghiệp và di sản của Người đạt tới sự thống nhất và hòa quyện nhuần nhuyễn giữa lý luận với thực tiễn, giữa tư duy, nhận thức với hành động, giữa tư tưởng, lập trường với phương pháp cách mạng. Người là nhà tư tưởng lý luận mácxít tiên phong, sắc sảo, độc đáo, với những đóng góp to lớn vào việc vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin từ thực tiễn cụ thể của cách mạng Việt Nam. Những cống hiến xuất sắc về mặt lý luận của Hồ Chí Minh có ảnh hưởng to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới trong thế kỷ XX và vẫn mang đậm giá trị thời đại trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin; phong trào cách mạng thế giới

1. Những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc bổ sung, phát triển lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin

Những đóng góp lý luận nổi bật của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin được thể hiện ở những vấn đề chủ yếu sau:

Một là, cách mạng giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản, là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

Thời kỳ của C.Mác, khi nghiên cứu CNTB ở giai đoạn tự do cạnh tranh, C.Mác dự báo rằng cách mạng vô sản trước hết sẽ nổ ra và giành thắng lợi ở một loạt các nước tư bản phát triển tiên tiến nhất ở châu Âu. Khi CNTB đã chuyển sang giai đoạn độc quyền, đế quốc, V.I.Lênin cho rằng cách mạng vô sản không nhất thiết nổ ra ở những nước

tư bản phát triển nhất, mà “có thể thắng trước hết là trong một số ít nước tư bản chủ nghĩa hoặc thậm chí chỉ trong một nước tư bản chủ nghĩa”¹. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đã chứng minh nhận định của V.I.Lênin rằng cách mạng vô sản có thể giành thắng lợi ở một nước tư bản chưa thực sự phát triển và là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền của CNĐQ. Bên cạnh đó, trong thời đại mà mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với CNĐQ trở thành một mâu thuẫn lớn, V.I.Lênin khẳng định rằng cách mạng vô sản sẽ không phải chỉ là cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản ở các nước, mà “đó sẽ là cuộc đấu tranh của tất cả các thuộc địa và tất cả những nước bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, của tất cả các nước phụ thuộc chống lại chủ nghĩa đế quốc quốc tế”². Do vậy, V.I.Lênin cho rằng trong

cuộc đấu tranh giai cấp của mình, giai cấp vô sản ở các nước tư bản chính quốc cần phải liên minh với phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa. Từ đó, V.I.Lênin phát triển khẩu hiệu “Vô sản tất cả các nước liên hiệp lại!” của C.Mác thành “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!”.

Với góc nhìn của người dân thuộc địa, lại chứng kiến các phong trào yêu nước Việt Nam lần lượt thất bại, Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường cứu nước mới cho dân tộc sau khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin (7-1920). Từ đó, Người tin theo V.I.Lênin và khẳng định chủ nghĩa Lênin là “chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất”³. Người khẳng định đi theo cách mạng vô sản mà C.Mác, V.I.Lênin vạch ra là “con đường giải phóng chúng ta”⁴, vì chỉ có con đường ấy mới cứu nhân loại, đem lại hạnh phúc bình đẳng cho con người⁵. Do vậy, Người kết luận: “*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”⁶. Không những tin tưởng vào sự đúng đắn của lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, Người thậm chí còn cho rằng, CNCS dễ thích ứng hơn với thực tiễn châu Á và Việt Nam vì nó gần gũi với truyền thống cộng đồng, đoàn kết dân tộc của người phương Đông. Là một bộ phận và nằm trong quỹ đạo của cách mạng vô sản, theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa sau khi hoàn thành sẽ từng bước đi tới xã hội cộng sản. Cương lĩnh của Đảng năm 1930 do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo đã chỉ rõ tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng rồi đi tới xã hội cộng sản⁷. Cách mạng Việt Nam sau này đã đi theo tiến trình được Hồ Chí Minh vạch ra là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chống thực dân, đế quốc, phong kiến, sau đó đi thẳng lên

xây dựng CNXH-giai đoạn đầu của xã hội cộng sản, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN. Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH trên thực tế đã trở thành mối quan hệ mang tính quy luật của sự vận động và phát triển của cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng tới nay. Điều này cho thấy Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo lý luận cách mạng không ngừng của C.Mác trong điều kiện cách mạng ở các nước thuộc địa, phong kiến.

Hai là, cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa có mối liên hệ chặt chẽ với cách mạng vô sản ở chính quốc, nhưng trước hết đó phải là công cuộc tự giải phóng của nhân dân các dân tộc thuộc địa.

Do bối cảnh lịch sử, C.Mác, Ph.Ăngghen chưa bàn về cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và mối liên hệ của nó với cách mạng vô sản thế giới. V.I.Lênin là người đầu tiên đã đặt ra mối quan hệ hữu cơ giữa cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản thế giới với phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong thời đại ĐQCN. Tuy nhiên, V.I.Lênin xem thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa cần sự giúp đỡ của cách mạng vô sản ở các nước tư bản phát triển. Tuyên ngôn của Quốc tế Cộng sản (3-1919) cũng cho rằng công cuộc giải phóng các dân tộc thuộc địa chỉ có thể thắng lợi khi cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở các nước chính quốc thắng lợi. Xuất phát từ thực tiễn đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa, từ tình hình cách mạng thế giới và từ kinh nghiệm hoạt động phong phú và nhãn quan sắc bén của mình, Hồ Chí Minh đã có cái nhìn mới về mối quan hệ này. Một mặt, Người xem sự bóc lột của CNTB như con đĩa hai vôi, một vôi bám vào giai cấp vô sản chính quốc, vôi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa⁸. Do đó, Người cho rằng trong cuộc đấu tranh của mình, cách mạng vô sản chính quốc và cách mạng giải phóng thuộc địa tất yếu có mối liên hệ gắn bó mật thiết, thúc đẩy

lẫn nhau như “hai cánh của một con chim”. Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa có tính độc lập, bình đẳng, không phụ thuộc hoàn toàn vào cách mạng vô sản ở chính quốc, mà thậm chí “vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa”⁹. Vì vậy, Người cho rằng, cách mạng ở thuộc địa không được thụ động, trông chờ vào cách mạng ở chính quốc mà cần tự lực cách sinh, cần tiến hành chủ động, độc lập, sáng tạo, tự đứng lên giải phóng mình và cách mạng giải phóng dân tộc có khả năng giành thắng lợi ở một nước thuộc địa, trước cách mạng vô sản ở chính quốc và qua đó góp phần thúc đẩy cách mạng vô sản ở chính quốc. Ngay trong bản Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định công cuộc giải phóng của nhân dân các nước thuộc địa chỉ có thể thực hiện bằng sự nỗ lực của bản thân họ¹⁰. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927), một lần nữa Người chỉ rõ: “muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”¹¹. Với tư tưởng đó, trong suốt quá trình lãnh đạo công cuộc giải phóng và kháng chiến cứu nước của nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn coi trọng trước hết việc phát huy tinh thần độc lập tự chủ, dựa vào sức mình là chính, “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”¹². Luận điểm trên đây thực sự là một bổ sung, phát triển có giá trị của Hồ Chí Minh đối với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Ba là, Hồ Chí Minh kết hợp chặt chẽ, vận dụng sáng tạo và thành công mối quan hệ giữa giai cấp với dân tộc, giữa giải phóng giai cấp với giải phóng dân tộc trong công cuộc giải phóng ở các nước thuộc địa trên nền tảng của lý luận Mác-Lênin.

Trong học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, vấn đề đấu tranh giai cấp và giải phóng

giai cấp vô sản được đặt lên hàng đầu, coi giải phóng giai cấp là điều kiện, tiền đề cho giải phóng các dân tộc, còn vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc được nhìn nhận như hệ quả của giải phóng giai cấp, phụ thuộc vào kết quả của cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản. Theo C.Mác, khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo, và vì thế “Hãy xoá bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng bị xoá bỏ”¹³. Tuy nhiên, chính các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác cũng đã cho rằng cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản là mang tính thế giới, nhưng cuộc đấu tranh ấy lại gắn với quốc gia dân tộc cụ thể, và vì thế giai cấp vô sản phải hoàn thành sứ mệnh với dân tộc mình trước đã. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* nêu rõ: “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc”¹⁴. Do vậy, “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”¹⁵.

Ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, học thuyết Mác được xây dựng trên bối cảnh lịch sử cụ thể của châu Âu, mà châu Âu thì “chưa phải là toàn thể nhân loại”¹⁶. Người phê phán sự máy móc, giáo điều trong nhận thức học thuyết đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác “mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng”¹⁷. Hồ Chí Minh cho rằng, lý luận mácxít về đấu tranh giai cấp và mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc khi vận dụng vào các xã hội thuộc địa phương Đông cần phải được bổ sung, phát triển “bằng dân tộc học phương Đông”¹⁸. Theo đó, Người chỉ ra sự cần thiết phải xem xét sự khác nhau cơ bản giữa phương Tây với phương Đông về điều kiện kinh tế và kết cấu xã hội-giai cấp. Ở các nước thuộc địa,

phong kiến phương Đông, giai cấp công nhân còn nhỏ yếu, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản chưa rõ rệt, nổi bật, trong khi mâu thuẫn chính, chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân, đế quốc và thế lực phong kiến tay sai bán nước. Vì vậy, nhiệm vụ trung tâm, đặt lên hàng đầu cho cách mạng ở các nước thuộc địa là giải quyết mâu thuẫn dân tộc, đó là đấu tranh chống đế quốc, thực dân xâm lược để giải phóng đất nước, giành độc lập cho dân tộc. Về vấn đề này, theo Hồ Chí Minh: “nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”¹⁹. Quan điểm này của Hồ Chí Minh là một sự phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin dựa trên bối cảnh lịch sử cụ thể. Với Hồ Chí Minh, cuộc đấu tranh dân tộc đó gắn với cuộc đấu tranh giai cấp, là một bộ phận của cách mạng vô sản, dựa trên ý thức hệ của giai cấp công nhân, do đội tiên phong của nó là đảng cộng sản lãnh đạo, có sự liên hệ chặt chẽ với cách mạng vô sản thế giới, với giai cấp vô sản ở chính quốc và khi hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc phải phát triển thành XHCN thì cuộc cách mạng mới giành được thắng lợi hoàn toàn²⁰.

Bốn là, Hồ Chí Minh bổ sung và phát triển sáng tạo học thuyết Mác-Lênin về đảng cách mạng và lực lượng cách mạng trong bối cảnh cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

Bản về quy luật ra đời của các đảng mácxít, xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của các nước tư bản châu Âu, V.I.Lênin đã khái quát công thức: Đảng Cộng sản = Chủ nghĩa Mác + Phong trào công nhân. Tuy nhiên, xuất phát từ bối cảnh xã hội-giai cấp đặc thù của Việt Nam và của các nước thuộc địa phong kiến, nơi mà phân hóa giai cấp, đấu tranh giai cấp chưa rõ rệt, nơi mà giai cấp công nhân còn

nhỏ bé về số lượng, non yếu về chất lượng, nơi mà chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước, Hồ Chí Minh cho rằng, việc ra đời của các đảng cộng sản ở các dân tộc thuộc địa vì thế phải là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước mang tính dân tộc của các tầng lớp nhân dân đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân để giải phóng đất nước. Từ đó, Hồ Chí Minh cho rằng, đảng mang bản chất giai cấp nhưng không những gắn với giai cấp, đại diện cho lợi ích giai cấp, mà đảng còn phải gắn với dân tộc, đồng thời là đảng của dân tộc, phản ánh đặc thù và truyền thống dân tộc, đại diện và tiêu biểu cho lợi ích nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Với cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”, và “quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một”²¹. Năm 1961, một lần nữa, Người khẳng định: “Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị”²². Những luận điểm về sự ra đời của đảng vô sản và mối quan hệ giữa đảng với dân tộc là sự bổ sung, phát triển rất đặc sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho học thuyết về xây dựng Đảng vô sản của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Về lực lượng tham gia cách mạng: những người sáng lập chủ nghĩa Mác khẳng định, quần chúng làm cách mạng vô sản là giai cấp công nhân liên minh với giai cấp nông dân. Sau này khi lãnh đạo cách mạng Nga, V.I.Lênin đã xác định lực lượng chủ yếu của cách mạng là khối liên minh công-nông-binh. Xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, từ quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và mối quan hệ giữa đảng với dân tộc như phân tích ở trên, Hồ Chí Minh cho rằng lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là đồng

tộc, bao gồm giai cấp công nhân và nông dân là gốc của cách mạng, trong đó giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo. Cùng với đó, các giai tầng khác như trí thức, tiểu tư sản, nhà buôn, trung, tiểu địa chủ, tư sản dân tộc, phú nông, và mọi người yêu nước đều là đồng minh, bầu bạn với cách mạng, đều có thể tham gia cách mạng. Với Hồ Chí Minh, ngay cả đối với tầng lớp phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì cũng tìm cách lôi kéo, lợi dụng²³. Hồ Chí Minh cho rằng, tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, kháng chiến chống lại đế quốc thực dân là việc khó khăn, do đó là sự nghiệp của chung của cả dân chúng chứ không phải việc riêng của một hai người²⁴. Theo Người, nếu “Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể nào thắng lợi được”²⁵. Quan điểm này của Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa thể hiện tinh thần đại đoàn kết dân tộc mà theo Hồ Chí Minh đó là điều kiện để đảm bảo cho thành công của cách mạng.

Với quan điểm và phương châm hành động cách mạng này, Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ tập hợp lực lượng, thu hút được tất cả những người con ưu tú của dân tộc thuộc mọi tầng lớp, chính kiến xã hội trong và ngoài nước vào Đảng cũng như tập hợp, phát huy được khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo Đảng làm cách mạng.

Năm là, Hồ Chí Minh có cống hiến đặc biệt cho lý luận về xây dựng đảng và nhà nước cách mạng trong điều kiện đảng cầm quyền.

Chưa có điều kiện thực tiễn để bàn nhiều về sự cầm quyền của đảng cộng sản và nhà nước dưới sự lãnh đạo của đảng, những người sáng lập chủ nghĩa Mác mới chỉ đưa ra những phác thảo ban đầu về bản chất, nhiệm vụ của đảng và nền chuyên chính vô sản. Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng Nga, trong các tác phẩm của mình sau này, nhất là tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*, V.I.Lênin đã có

những chỉ dẫn cụ thể, hệ thống hơn về xây dựng đảng cầm quyền, về bản chất, nhiệm vụ của nhà nước kiểu mới trong thời kỳ quá độ tới CNCS, về chuyên chính và chế độ dân chủ, chống quan liêu, về nhà nước với vấn đề dân tộc, tôn giáo...

Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã phát triển lý luận mácxít về đảng vô sản và nhà nước cách mạng lên một tầm cao mới, trở thành học thuyết về xây dựng đảng và chính quyền nhà nước. Điều đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng là Người đã nâng tầm việc thực hiện vai trò và nhiệm vụ chính trị của đảng không chỉ là quy luật tồn tại phát triển của đảng mà còn mang yếu tố văn hóa, đạo đức. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947), Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”²⁶. Với Người, đảng phải là đạo đức, là văn minh, tiêu biểu cho tinh hoa trí tuệ và đạo đức dân tộc, cho giá trị và xu thế phát triển của thời đại cũng như lương tâm con người. Hồ Chí Minh xem phục vụ nhân dân là lợi ích lớn nhất và là lẽ sống của Đảng. Trước khi đi xa, trong *Di chúc*, Người nhắc nhở: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”²⁷. Người nêu rõ cán bộ, đảng viên của Đảng không phải là quan cách mạng mà là công bộc, là đầy tớ trung thành, tận tụy, trung hiếu của nhân dân. Để được như vậy, Người đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải không ngừng tu dưỡng, trau dồi, rèn luyện chủ nghĩa nhân văn, nhân ái, nâng cao đạo đức cách mạng, giữ bỏ mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Theo Người, một trong những yếu tố quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng CNXH là phải xây dựng được

một đội ngũ cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, vì “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”²⁸, và “Muôn việc thành công hoặc thất bại đều là do cán bộ tốt hoặc kém”²⁹.

Đối với việc xây dựng nhà nước cách mạng, ngay từ HNTƯ 8 (1941), Hồ Chí Minh đã chủ trương sau khi giành được độc lập sẽ thành lập một chính quyền cách mạng thực sự dân chủ, chính quyền ấy “không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung cả toàn thể dân tộc”³⁰. Nhà nước của dân, do dân, vì dân theo Hồ Chí Minh đó là nhà nước mà thể hiện ý chí nguyện vọng của dân, đặt quyền lợi của dân lên trên hết, tất cả quyền lực đều là của toàn thể nhân dân, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, giai cấp, địa vị xã hội, là nhà nước mà “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra..., quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”³¹. Để thực hiện điều đó, theo Người, nhà nước phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hành dân chủ rộng rãi trong xã hội, và nhân dân phải kiểm soát được quyền lực nhà nước.

2. Giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại của di sản lý luận Hồ Chí Minh đối với phong trào cách mạng thế giới

Một là, giá trị lớn đầu tiên và bao trùm chính là bài học sâu sắc về phương pháp nhận thức, học tập, tiếp thu và thực hành chủ nghĩa Mác-Lênin của Hồ Chí Minh.

Bài học đó là những người cộng sản và cách mạng trong khi học tập và thực hành lý luận mácxít phải luôn sáng tạo, đổi mới và phát triển, không ngừng làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tránh rơi vào giáo điều, xơ cứng, không rơi vào lập trường tả khuynh, hữu khuynh hay tuyệt đối hóa, thần thánh hóa C.Mác, V.I.Lênin. Ngay trong thời kỳ phong trào

cộng sản và công nhân quốc tế phát triển mạnh mẽ trong những thập kỷ 50 đến 70 của thế kỷ XX, chính một phần vì có những nhận thức giáo điều, tả khuynh, thậm chí là độc quyền chân lý trong nhận thức và thực hành chủ nghĩa Mác-Lênin ở một số người cộng sản và một số đảng cộng sản mà đã có những bất hòa, chia rẽ trong phong trào, dẫn tới trường hợp ly khai phong trào của Nam Tư, Albani, và sự bất đồng nghiêm trọng giữa Liên Xô và Trung Quốc. Cũng chính từ sự nhận thức và vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin một cách máy móc, giáo điều, thiếu sáng tạo và phát triển không ngừng qua vận động của thực tiễn đã là một trong những nguyên nhân khiến chủ nghĩa Mác, CNXH hiện thực trở nên xơ cứng, không được bổ sung, phát triển và hệ quả là sự sụp đổ chế độ XHCN ở các nước Đông Âu và Liên Xô. Từ trường hợp Hồ Chí Minh cho thấy, đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin là lĩnh hội những giá trị mang tính thế giới quan, phương pháp luận, bản chất khoa học và cách mạng, và tư tưởng giải phóng con người của chủ nghĩa Mác-Lênin, còn con đường và phương pháp để đi tới mục tiêu cách mạng là đa dạng, phong phú, muôn màu, không thể có một khuôn mẫu cố sẵn nào. Bản thân V.I.Lênin đã khẳng định rằng những người mácxít không được coi lý luận của C.Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm, mà chỉ nên coi đó là nền móng ban đầu cần phải được bổ sung, phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống³². Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ “lý luận cách mạng không phải là giáo điều, nó là kim chỉ nam cho hành động cách mạng”³³ và rằng nó “phải liên hệ với thực tế”³⁴ và “luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động”³⁵. Không những cần tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin theo phương châm sáng tạo và phát triển, Hồ Chí Minh còn cho thấy cần phải tiếp thu có chọn lọc tất cả những tinh hoa tư tưởng, lý

luận và văn hóa tiến bộ của nhân loại. Hơn nữa, với Hồ Chí Minh, mọi lý luận phải thấm đượm thực tiễn, phải là lý luận thực hành, lý luận của hành động, gắn chặt với đời sống thực tế, phản ánh đòi hỏi của thực tiễn và hướng tới giải quyết những yêu cầu thực tiễn cách mạng sinh động đặt ra, nếu không “lý luận ấy thành lý luận suông”³⁶. Tấm gương tiếp thu và thực hành chủ nghĩa Mác-Lênin của Hồ Chí Minh vừa là bài học lịch sử, vừa có ý nghĩa thời đại sâu sắc đối với những người cách mạng trong bối cảnh hiện nay.

Hai là, lý luận cách mạng giải phóng dân tộc độc đáo, đặc sắc của Hồ Chí Minh đã dẫn đường cho những thắng lợi vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử và mang dấu ấn thời đại đậm nét của cách mạng Việt Nam, đồng thời có ảnh hưởng sâu rộng, lớn lao đối với sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới, góp phần kiến tạo nên một thế kỷ của đấu tranh cách mạng và giải phóng trong thế kỷ XX.

Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường cứu nước và phương pháp cách mạng đúng đắn cho các dân tộc thuộc địa bị áp bức đứng lên đấu tranh tự giải phóng, đồng thời Người cũng chính là người đầu tiên đã hiện thực hóa thành công lý luận cách mạng đó vào bối cảnh của một nước thuộc địa, nửa phong kiến như Việt Nam. Dưới sự dẫn dắt của Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam đã đi qua những thắng lợi vĩ đại, lập nên những chiến công hiển hách, đưa dân tộc Việt Nam đi tiên phong trong phong trào cách mạng thế giới, trở thành tấm gương tiêu biểu của cuộc đấu tranh vì tự do, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Tư tưởng giải phóng dân tộc đúng đắn, đặc sắc, đầy sự sáng tạo của Hồ Chí Minh cùng với những thành quả vĩ đại, mang tầm vóc thời đại của cách mạng Việt Nam do Hồ Chí Minh lãnh đạo đã có ảnh hưởng lan tỏa rộng lớn và sâu sắc tới cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa, bị áp bức, góp phần thức tỉnh, khơi dậy, thúc đẩy, cổ vũ các phong trào yêu nước, cách mạng ở

các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc ở Á-Phi-Mỹ Latinh đứng lên giải phóng mình, giành lấy tự do và độc lập dân tộc, dẫn tới sự tan rã và sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa mà chủ nghĩa thực dân, đế quốc đã xây dựng trong hàng trăm năm, góp phần to lớn làm thay đổi sâu sắc bộ mặt thế giới trong thế kỷ XX.

Ba là, di sản lý luận của Hồ Chí Minh vẫn mang giá trị và ý nghĩa thời đại sâu sắc trong bối cảnh quốc tế hiện nay.

Từ di sản tư tưởng và sự nghiệp mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho thấy, kiên định, sáng tạo, đổi mới và phát triển không ngừng là hồn cốt tinh túy nhất để khái quát về tư duy và hành động, về nhận thức luận và phương châm ứng xử của Hồ Chí Minh đối với chủ nghĩa Mác-Lênin. Ngay trong những thời kỳ khi mà thế giới đang sục sôi cách mạng, khi mà chủ nghĩa Mác-Lênin không phải đương đầu với những thách thức lớn lao cả về lý luận và thực tiễn trước bối cảnh thời đại như hiện nay, khi mà CNCS đang là khát vọng cháy bỏng và hành động sục sôi cách mạng của những người mácxít và loài người tiên bộ, và ngay cả trong những tháng năm khuynh hướng tả khuynh còn chi phối nặng nề trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phương châm nhận thức và hành động của Hồ Chí Minh đối với lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin đã là như vậy. Đó là, không máy móc giáo điều mà luôn luôn linh hoạt, sáng tạo; linh hoạt trong sự nhất quán, sáng tạo trong sự kiên định; độc đáo, đặc sắc mà không rơi vào biệt phái, biệt lệ; đầy tính lý luận nhưng cũng rất thực tiễn; cao siêu mà rất thực tế, đời thường, thấm đẫm hơi thở cuộc sống đương đại; trung thành nhưng không xơ cứng, khuôn thước, và vì trung thành mà luôn tìm tòi, bổ sung và phát triển không ngừng cho phù hợp với đặc điểm dân tộc và bối cảnh thời đại, dù cho điều đó có thể khiến Hồ Chí Minh bị hiểu lầm, bị xem là dân tộc chủ nghĩa, là xét lại chủ

nghĩa Mác-Lênin, từ đó rất có thể dẫn tới những ảnh hưởng không có lợi cho cách mạng Việt Nam, cho uy tín và vị thế của Người trong phong trào cách mạng thế giới.

Ứng xử của Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác trong bối cảnh thế giới cách đây gần một thế kỷ đã là như vậy, do đó, những người cách mạng thế giới hôm nay, trước đòi thay nhanh chóng và sâu sắc của thời đại, càng không thể tư duy và hành động theo chủ nghĩa Mác-Lênin một cách giáo điều, xơ cứng, nhưng cũng không được dao động, hoang mang, nghi ngại trước sự đòi thay nhanh chóng của bối cảnh thời đại. Đặt chủ nghĩa Mác trước bối cảnh mới của thế giới đương đại đòi hỏi những người cách mạng trên thế giới phải không ngừng làm giàu lý luận mácxít từ thực tiễn, tìm tòi những con đường mới, phương pháp mới, bước đi mới phù hợp với mỗi quốc gia, dân tộc để thúc đẩy những cải biến cách mạng và tiến bộ xã hội ở đất nước, dân tộc mình. Trong khi đó, điều cốt yếu đối với sự tồn tại và phát triển của các đảng cộng sản và cách mạng cầm quyền trên thế giới hiện nay là không ngừng đổi mới nhận thức để thích ứng với thời cuộc, luôn sáng tạo trong thực tiễn lãnh đạo, không ngừng đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu quả cầm quyền, giải quyết tốt mối quan hệ giữa đảng lãnh đạo và nhà nước quản trị quốc gia, phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân và xã hội đi liền với đảm bảo trật tự kỷ cương phép nước và kiên định mục tiêu cách mạng. Chống tha hóa và thoái hóa đảng, chống mọi biểu hiện suy thoái, biến chất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên phải được coi là công việc gốc của việc giữ gìn và củng cố sức mạnh, uy tín và thanh danh của đảng cầm quyền; cùng với đó là lấy thực tiễn phát triển đất nước và tiến bộ xã hội, hạnh phúc của nhân dân là thước đo đánh giá năng lực cầm quyền của đảng, hiệu quả, liệu lực quản lý của bộ máy nhà nước và năng lực phẩm chất của cán bộ, đảng viên. Điều đó

là cực kỳ hệ trọng đối với vận mệnh của một đảng cách mạng cầm quyền như Hồ Chí Minh đã từng cảnh báo: “Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”³⁷.

1. *V.I.Lênin Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1980, T. 26, tr. 447
2. *Sđđ*, T. 39, tr. 370
- 3, 10, 11, 24. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 2, tr. 289, 138, 320, 283
- 4, 20, 27, 37. *Sđđ*, T. 15, tr. 584, 392, 611-612, 672
- 5, 8, 9, 16, 18. *Sđđ*, T. 1, tr. 496, 320, 295, 510, 510
6. *Sđđ*, T. 12, tr. 30
7. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1998, T. 2, tr. 93-95
- 12, 23. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 3, tr. 596, 3
- 13, 14, 15. *C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1995, T. 4, tr. 624, 611, 623-624
- 17, 26, 28, 29. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 5, tr. 312, 289, 309, 280
- 19, 30. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 7, tr. 113, 114
- 21, 36. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 7, tr. 41, 127
22. *Sđđ*, T. 13, tr. 275
25. *Sđđ*, T. 4, tr. 344
31. *Sđđ*, T. 6, tr. 232
32. Xem *V.I.Lênin Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1974, T. 4, tr. 232
- 33, 34, 35. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 11, tr. 95, 94, 95.